

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐOAN HÙNG
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2019/HS-ST

Ngày: 29-8-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Vũ Thường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Đức Hữu

Bà Nguyễn Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Thọ - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 53/2019/TLST-HS, ngày 14 tháng 8 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2019/QĐXXST-HS, ngày 16 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn L, sinh năm 1988; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Thôn H, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái: Không; Con ông Trần Văn X1, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị Y1, sinh năm 1956; Có vợ là Kim Thị Thu Z1, sinh năm 1990 và 02 con (Con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2013);

- Tiền án: Có 01 tiền án. Bản án số: 08/2019/HSST ngày 06/3/2019 Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 06/3/2014, Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/12/2015.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/4/2019 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Phú Thọ. Có mặt

2. Nguyễn Bá N, sinh năm 1991; Tên gọi khác: Không; Nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái: Không; Con ông Nguyễn Văn X2, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị Y2, sinh năm 1968; Vợ con chưa có;

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Có 01 tiền sự. Ngày 12/7/2018, Công an huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt hành chính 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) về hành vi trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác.

+ Nhân thân:

- Bản án số: 755/2010/HSPT, ngày 09/9/2010 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng, tính từ ngày 09/9/2010, về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Bản án số: 09/2011/HSST, ngày 28/01/2011 Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang xử phạt 12 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tổng hợp với bản án số 755 ngày 09/9/2010 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, buộc N phải chấp hành hình phạt chung cho cả 2 bản án là 21 tháng tù.

- Bản án số: 58/2011/HSST, ngày 19/4/2011 Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp với bản án số 09/2011, ngày 28/01/2011 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, buộc N phải chấp hành hình phạt chung cho cả 2 bản án là 36 tháng tù.

- Bản án số: 29/2011/HSST, ngày 28/4/2011 Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”.

- Quyết định tổng hợp hình phạt số 01, ngày 19/4/2012 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, buộc Nguyễn Bá N phải chấp hành hình phạt chung cho bản án số 58/2011/HSST, ngày 19/4/2011 và bản án số 29/2011/HSST, ngày 28/4/2011 là 07 năm tù. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù của cả 2 bản án trên vào 02/02/2017.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/4/2019 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Phú Thọ. Có mặt

- *Bị hại:*

1. Anh Nguyễn Thế H1, chị Nguyễn Thị Vân A (Vợ anh H1)

Nơi cư trú: Thôn 08, xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt

2. Chị Dương Thanh M, anh Lê Văn Q (Chồng chị M)

Nơi cư trú: Thôn 11, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Có đơn xin xét xử vắng mặt

3. Chị Ngô Thị Thu H2

Nơi cư trú: Khu T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt

4. Chị Lương Thị T1, anh Phan Duy H3 (Chồng chị T1)

Nơi cư trú: Khu 01, xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Trần Thị H4

Nơi cư trú: Khu phố 01, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt

2. Chị Vũ Thị Hồng T2

Nơi cư trú: Thôn 03, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt

3. Anh Phan Văn T3

Nơi cư trú: Thôn H, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt

4. Anh Kim Văn H5

Nơi cư trú: Thôn H, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt
5. Anh Đỗ Đình Đ

Nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt
6. Chị Kim Thị Thu H6

Nơi cư trú: Thôn H, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn L và Nguyễn Bá N là người có nhân thân xấu, bản thân L và N đã từng nhiều lần bị Tòa án kết án về tội chiếm đoạt tài sản. Nhưng sau khi chấp hành xong hình phạt tù L và N đều không có công ăn việc làm ổn định nên cả 2 đã rủ nhau nhiều lần đi trộm cắp tài sản trên địa bàn các tỉnh Phú Thọ, Hà Nội, Vĩnh Phúc. Cụ thể trộm cắp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ như sau:

- Vụ thứ nhất: Khoảng 08h00' ngày 23/10/2018, Trần Văn L thuê xe ô tô nhãn hiệu Vios, màu nâu, biển kiểm soát 88A - 079.xx của chị Trần Thị H4, sinh năm 1973 ở khu phố 1, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (chị H4 là chủ cửa hàng cho thuê xe tự lái AL). Sau đó L tự lái đi từ huyện V lên thành phố Tuyên Quang chơi. Đến 20h00' cùng ngày, L điều khiển xe ô tô đi theo Quốc lộ 2 về nhà. Khi đi đến nhà, đồng thời là cửa hàng kinh doanh phế liệu của anh Nguyễn Thế H1, sinh năm 1984 ở thôn 8, xã S, huyện Đ thì L dừng lại. Quan sát thấy nhà anh H1 khóa cửa ngoài, L nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. L đỗ xe ở ven đường bên phải gần nhà anh H1, theo chiều đi của mình và đi bộ qua bãi đất trống, trèo qua bờ rào B40 sau nhà anh H1. Quan sát thấy cửa ngách sau nhà anh H1 khóa trong nên L lấy 01 đoạn gỗ dài khoảng 2m sau nhà anh H1 và bẫy gậy 01 song gỗ ô thoáng sát mái nhà tạo thành một ô trống 30cmx33cm. L trèo lên, chui đầu qua ô thoáng và dùng tay bám vào song cửa ô thoáng đu vào trong nhà anh H1. Khi vào trong nhà thấy dưới nền đất có 02 tải đựng dây đồng tổng trọng L 30kg, 01 nồi đồng trọng L 9,3kg, 03 bình ắc quy xe đạp điện cũ, mỗi bình trọng L 4kg tại gian phòng khách nên L đã mở cửa ngách sau, bê những đồ vật trên theo cửa để ở ngoài lưới B40. Sau đó, L quay vào tìm tài sản để trộm cắp tiếp thì thấy 01 két sắt ở trong phòng ngủ, L lấy dao dũa, 01 thanh nhíp, 01 thanh sắt ở gian phòng khách, cạy phá mặt trước két sắt. Khi mở ra thấy có 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng) nên L lấy đúc vào túi rồi đi ra cửa sau nhà, bê dây đồng, nồi đồng, ắc quy đi ra cất vào cốp xe ô tô rồi đi về thành phố V. Đến sáng ngày 24/10/2018, L mang số dây đồng, nồi đồng, ắc quy bán cho 01 người phụ nữ là người đi thu mua phế liệu tại khu C, thuộc xã C, huyện V được 4.500.000đ. L không biết tên, tuổi, địa chỉ người phụ nữ này. Sau đó L mang trả xe ô tô và trả tiền thuê xe hết 6.000.000đ (Sáu triệu đồng), số tiền còn lại L chi tiêu hết.

Ngày 25/6/2019, Hội đồng định giá tài sản huyện Đoan Hùng kết luận: Giá trị của 3 bình ắc quy xe đạp điện cũ là 240.000đ (Hai trăm bốn mươi nghìn đồng), 30kg đồng đỏ trị giá 3.600.000đ (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng), 9,2kg nồi đồng vàng trị giá 736.000đ (Bảy trăm ba mươi sáu nghìn đồng); giá trị thiệt

hại kết bạc L cạy phá của gia đình anh Nguyễn Thế H1 là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

- Vụ thứ hai: Khoảng 13h30 ngày 12/4/2019, L điện thoại cho Nguyễn Bá N, rủ N đi trộm cắp tài sản và được N đồng ý. L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu XIONGSHI, kiểu dáng Wave, màu xanh, biển số 88H9-60xx của gia đình đến cửa hàng bán hàng sắt của chị Vũ Thị Hồng T2, sinh năm 1974 ở thôn 3, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc mua 02 xà cầy bằng sắt soắn dài 77cm, phi 18; 01 đôi gang tay bằng vải, màu trắng; 01 kìm cắt sắt dài 18cm, tay cầm màu đỏ chở N từ nhà theo QL2 đến huyện Đoan Hùng trộm cắp tài sản. Khi đi qua khu 1, xã P, thị xã P, L nhìn thấy nhà chị Lương Thị T1, sinh năm 1987 ở bên phải đường QL2 hướng Việt Trì - Tuyên Quang khóa cửa ngoài. L dừng xe, bảo N đứng ngoài quan sát nếu có người thì thông báo cho L, còn L đeo gang tay, cầm 02 xà cầy cạy cửa ngách bằng gỗ bên trái nhà chị T1 vào trong nhà. L đi các phòng tìm tài sản để trộm cắp, khi lên đến phòng ngủ tầng 2 nhà chị T1, L thấy 01 kết sắt ở phòng ngủ nên L lật ngửa kết sắt ra rồi dùng 02 xà cầy cạy mặt trước kết sắt mở ra thấy có 3.000.000đ và 01 nhẫn vàng trơn trọng L 0,5 chỉ nên L cầm lấy đúc vào trong kết rồi đi ra ngoài. Khi ra L nói dối N không trộm cắp được tài sản gì rồi L tiếp tục điều khiển xe mô tô chở N lên hướng Tuyên Quang.

Ngày 23/5/2019, Hội đồng định giá tài sản thị xã Phú Thọ kết luận: Giá trị thiệt hại của chiếc kết sắt nhãn hiệu Việt - Tiệp của gia đình chị Lương Thị T1 là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), đồng thời có công văn trả lời về việc không đủ căn cứ định giá chiếc nhẫn vàng trọng L 0,5 chỉ bị mất của chị T1. Tiến hành xác minh giá thị trường 0,5 chỉ vàng 9999 tại thời điểm ngày 12/4/2019 là 1.830.000đ (Một triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng).

- Vụ thứ ba: Sau khi thực hiện vụ trộm cắp tài sản thứ 2, L điều khiển xe mô tô chở N lên huyện Đ để trộm cắp tài sản. Khoảng 16h00' cùng ngày đi đến huyện Đ, L thấy gia đình nhà chị Dương Thanh M, thuộc thôn 11, xã C, huyện Đ đang lên xe ô tô để đi về hướng Việt Trì. Nghĩ gia đình chị M sẽ đi chơi nên L đi qua nhà chị M, đợi gia đình chị M đi khỏi thì L vòng xe quay lại. L bảo N ở ngoài đứng chờ để quan sát thấy có người thì thông báo cho L. L đeo gang tay, cầm 02 xà cầy đi theo bãi đất trống bên trái nhà chị M hướng từ ngoài đường vào, trèo qua bờ rào B40 vào trong, dùng xà cầy cạy cửa gỗ vào trong nhà. L đi lên tầng 2, thấy kết sắt trong phòng ngủ tầng 2 nhà chị M kê sát đầu giường nên L lật ngửa kết sắt rồi dùng 02 xà cầy cạy mặt trước kết lấy 02 nhẫn vàng ta, hình tròn trọng L mỗi nhẫn 02 chỉ. Quan sát thấy trong kết còn có hộp đồ đựng đồ trang sức nên L lấy mở ra thì thấy thấy 3 chiếc vòng cổ màu vàng, nghĩ là vàng giả nên L không lấy. Sau đó, L đi xuống tầng 1 thấy có 03 xe gồm: 01 xe SH mode, biển số 19E1-233.xx, 01 xe Vespa, biển số 19E1-170.xx và 01 xe Sirius, biển số 19E1-23xx của gia đình chị M dựng ở gian trống trước phòng khách. L lấy xà cầy cạy 03 cốp xe trên để tìm tài sản trộm cắp nhưng trong cốp xe không có tài sản gì. L quay ra thấy 01 túi đựng máy tính xách tay ở bàn phòng khách, trên bàn có 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell, 01 dây sạc máy tính nên L cầm máy tính và dây sạc đúc vào túi sách rồi khoác lên vai đi ra ngoài cùng N đi về nhà. L bảo N chỉ trộm cắp được 01 máy tính xách tay nên L đem về nhà sử dụng. Ngày 20/4/2019, L đem bán máy tính, dây sạc, túi đựng máy tính cho anh

Phan Văn T3, sinh năm 1980 ở cùng thôn được 2.500.000đ. Ngày 24/4/2019, anh T3 đem bán lại cho anh Kim Văn H5, sinh năm 1974 ở cùng thôn được 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Còn số vàng trộm cắp trên, L khai ngày 14/4/2019, L bán 02 nhẫn vàng trộm cắp của chị M tại cửa hàng vàng bạc TP do anh Đỗ Đình Đ, sinh năm 1993 ở xã Q, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc làm chủ được 13.700.000đ, bán chiếc nhẫn trộm cắp tại thị xã Phú Thọ được 1.700.000đ. Số tiền bán tài sản trộm cắp được tổng 20.900.000đ (Hai mươi triệu chín trăm nghìn đồng), L chi tiêu hết, không chia cho N.

Ngày 26/4/2019, Hội đồng định giá tài sản huyện Đoan Hùng kết luận: Giá trị chiếc máy tính nhãn hiệu Dell, của chị M là 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng); trị giá sạc máy tính nhãn hiệu Dell của chị M là 100.000đ (Một trăm nghìn đồng). Ngày 23/5/2019, kết luận: Thiệt hại chiếc kết sắt nhãn hiệu Việt - Tiệp, loại hai ngăn Trần Văn L cạy phá của gia đình chị M là 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng). Ngày 03/6/2019, kết luận: Giá trị của 02 nhẫn vàng trọng L mỗi nhẫn 02 chỉ là 14.600.000đ (Mười bốn triệu sáu trăm nghìn đồng), giá trị của lắc vàng trọng L 03 chỉ là 11.250.000đ.

- Vụ thứ tư: Khoảng 12h00' ngày 22/4/2019, L một mình điều khiển xe mô tô, biển số 88H9 – 60xx trên, đem theo 02 xà cày, 01 kìm cắt sắt, 01 đôi găng tay từ nhà lên huyện Đ trộm cắp tài sản. Đến khoảng 14h00' cùng ngày, L đi qua nhà chị Ngô Thị Thu H2, sinh năm 1973 ở khu T, thị trấn Đ, huyện Đ. Thấy nhà chị H2 khóa cửa ngoài, L quay xe đi theo lối vào Trạm y tế thị trấn Đoan Hùng đang xây dựng gần nhà chị H2. L để xe ở ven đường rồi đeo găng tay, cầm kìm cắt sắt, 02 xà cày đi vào. L dùng kìm cắt sắt cắt bờ rào dây thép gai đi vào trong, đẩy bung cửa ngách bằng gỗ sau nhà vào gian để đồ rồi dùng xà cày cạy cửa gỗ vào nhà. L đi vòng từ tầng 1 lên tầng 2 tìm kết sắt và tài sản để trộm cắp nhưng không thấy gì. Sau đó, L đi xuống lục lọi tủ quần áo trong phòng ngủ tầng 1, lấy được 3.500.000đ rồi theo lối đột nhập ra ngoài. Số tiền trộm cắp được, L đã chi tiêu hết.

Tại bản cáo trạng số: 51/CT-VKS ngày 13/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ đã truy tố bị cáo Trần Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Truy tố bị cáo Nguyễn Bá N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trần Văn L và Nguyễn Bá N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các điểm g, h khoản 1 Điều 52, khoản 2 Điều 56 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn L từ 36 tháng đến 42 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 06 tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2019/HSST ngày 06/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 42 tháng đến 48 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 26/4/2019.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1

Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Bá N từ 18 tháng đến 24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 26/4/2019.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Trần Văn L phải bồi thường cho vợ chồng anh Nguyễn Thế H1 51.076.000đ, bồi thường cho chị Ngô Thị Thu H2 3.500.000đ, bồi thường cho vợ chồng chị Dương Thị M tổng số tiền là 15.400.000đ, bồi thường cho vợ chồng chị Lương Thị T1 tổng số tiền là 5.130.000đ.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu để tiêu hủy 01 đôi găng tay bằng vải, màu trắng đã ố vàng, 01 kìm cắt sắt dài 18cm, tay cầm màu đỏ, 01 xà cày bằng sắt soắn dài 77cm, phi 18, 01 sim điện thoại số 0965.699.xxx thu giữ của bị cáo L, 01 sim điện thoại số 0969.695.xxx thu giữ của bị cáo N;

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Nokia 105, màu đen, số IMEI: 359971/05/346929/1 thu giữ của bị cáo L và 01 điện thoại di động Nokia 105, màu đen, số IMEI:036005080297368 thu giữ của bị cáo N;

+ Trả lại cho chị Kim Thị Thu H6 01 xe mô tô nhãn hiệu XIONGSHI, kiểu dáng Wave, màu xanh, biển số 88H9-60xx;

+ Xác nhận Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Dương Thị M 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu Dell, 01 dây sạc, 01 túi đựng máy tính màu đen.

- Về án phí: Các bị cáo Trần Văn L và Nguyễn Bá N mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Trần Văn L phải nộp án phí dân sự trong vụ án hình sự. Chị Lương Thị T1 phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm do một phần yêu cầu không được chấp nhận.

Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Văn L và Nguyễn Bá N không tranh luận gì, thừa nhận và ăn năn hối hận với hành vi phạm tội của bản thân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng hình sự: Các quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, hành vi tố tụng của điều tra viên trong quá trình điều tra vụ án, quyết định tố tụng của Viện kiểm sát và hành vi tố tụng của Kiểm sát viên trong giai đoạn truy tố là đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Về căn cứ buộc tội: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ được và các tài liệu khác có trong hồ sơ, nên có đủ cơ sở để kết luận:

Trong ngày 12/4/2019 tại huyện Đ và tại thị xã P, tỉnh Phú Thọ, Trần Văn L và Nguyễn Bá N đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 25.030.000đ và gây thiệt hại tài sản cho chủ sở hữu tài sản là 1.100.000đ. Cụ thể trộm cắp tài sản của gia đình chị Lương Thị T1 ở khu 1, xã P, thị xã P với giá trị là 4.830.000đ và gây thiệt hại về tài sản cho chị T1 là 300.000đ; Trộm cắp tài sản của gia đình chị Dương Thị M ở thôn 11, xã C,

huyện Đ với giá trị là 20.200.000đ và gây thiệt hại về tài sản cho chị M là 800.000đ.

Ngoài ra, trong các ngày 23/10/2018 và ngày 22/4/2019, Trần Văn L còn một mình trực tiếp 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại huyện Đ với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 53.076.000đ và gây thiệt hại cho chủ sở hữu tài sản là 1.500.000đ. Cụ thể trộm cắp tài sản của anh Nguyễn Thế H1 ở thôn 8, xã S, huyện Đ với giá trị là 49.576.000đ và gây thiệt hại về tài sản cho anh H1 là 1.500.000đ; Trộm cắp tài sản của chị Ngô Thị Thu H2 ở khu T, thị trấn Đ, huyện Đ với tổng số tiền là 3.500.000đ.

Hành vi của Nguyễn Bá N 02 lần tham gia trộm cắp tài sản cùng Trần Văn L có tổng trị giá là 25.030.000đ đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Hành vi 04 lần trộm cắp tài sản của Trần Văn L (trong đó có 02 lần trộm cắp cùng Nguyễn Bá N) có tổng trị giá là 78.097.000đ đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Điều luật quy định:

“ 1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

a.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

c. Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.”

[3]. Về tính chất của hành vi phạm tội: Vụ án các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Trong vụ án này bị cáo Trần Văn L thực hiện tội phạm với vai trò là người chủ mưu và thực hành, Nguyễn Bá N tham gia với vai trò là người giúp sức tích cực.

Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, đã xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất ổn định tình hình trị an và lo lắng cho người dân. Do vậy cần phải có hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung tội phạm.

[4]. Về nhân thân: Các bị cáo Trần Văn L và Nguyễn Bá N đều là những người có nhân thân xấu. Các bị cáo đều đã nhiều lần bị Tòa án xét xử về các tội chiếm đoạt tài sản.

[5]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Trần Văn L và Nguyễn Bá N đều phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Khi phạm tội bị cáo Trần Văn L đã bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xử phạt tù, bản án đã có hiệu lực pháp luật nên bị cáo còn phải chịu tình tiết tăng nặng tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm s khoản 1

Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ông ngoại của bị cáo L là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng 3, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo, trên cơ sở phục vụ công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm và tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm trở thành người công dân có ích cho xã hội, nên cần xử phạt bị cáo hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp. Bị cáo Trần Văn L đã có bản án xét xử trước đó đã có hiệu lực pháp luật nhưng chưa thi hành, nên cần tổng hợp hình phạt chung theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo không có nghề nghiệp, chức vụ và không có tài sản có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6]. Về trách nhiệm dân sự:

Đối với các tài sản bị cáo L chiếm đoạt và gây thiệt hại cho vợ chồng anh H1 và chị H2 cần buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ.

Đối với các tài sản bị cáo L và bị cáo N chiếm đoạt và gây thiệt hại cho vợ chồng chị M và vợ chồng chị T1. Tại phiên tòa bị cáo L đề nghị được bồi thường toàn bộ, không yêu cầu bị cáo N phải cùng bồi thường. Do vậy cần buộc bị cáo L phải bồi thường toàn bộ cho vợ chồng chị M và vợ chồng chị T1.

Đối với vợ chồng chị Dương Thanh M khai ngoài các tài sản các bị cáo trộm cắp trên, chị M còn bị mất thêm 01 lắc tay vàng trọng L 03 chỉ để trong két sắt. Chị Lương Thị T1 khai bị mất 5.000.000đ không phải mất 3.000.000đ như L đã khai. Tuy nhiên CQĐT đã đấu tranh nhưng L không thừa nhận, mặt khác ngoài lời khai của chị M, chị T1 thì không có chứng cứ nào khác do đó không đủ căn cứ để xác định L đã trộm cắp số tài sản trên.

[7]. Về xử lý vật chứng:

Đối với các công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội gồm, 01 đôi gang tay bằng vải, màu trắng đã ố vàng; 01 kim cắt sắt dài 18cm, tay cầm màu đỏ; 01 xà cày bằng sắt soắn dài 77cm, phi 18 do không còn giá trị sử dụng nên sẽ tịch thu để tiêu hủy.

Đối với các điện thoại di động, các bị cáo dùng để liên lạc phạm tội sẽ tịch thu sung công quỹ nhà nước. Các sim điện thoại do không còn giá trị sử dụng sẽ tịch thu để tiêu hủy.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu XIONGSHI, kiểu dáng Wave, màu xanh, biển số 88H9-60xx, bị cáo L dùng vào việc phạm tội, tuy nhiên chị H vợ bị cáo không biết, đây là phương tiện đi lại duy nhất của gia đình nên sẽ trả lại cho chị Hằng.

Đối với 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu Dell, 01 dây sạc, 01 túi đựng máy tính màu đen, cơ quan điều tra đã trả lại cho chị M cần xác nhận.

[8]. Đối với anh Phan Văn T3 là người đã mua tài sản của bị cáo L sau đó bán lại cho anh Kim Văn H5. Xét thấy việc anh T3, anh H5 mua tài sản nhưng không biết đó là tài sản do phạm tội mà có, do đó cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[9]. Đối với chị Trần Thị H4 đã cho L thuê xe ô tô Vios, màu nâu, biển số 88A - 079.xx, chị Vũ Thị Hồng T2 là người đã bán 02 xà cày, 01 kim cắt sắt, 01

đôi găng tay cho L, nhưng chị H4, chị T2 đều không biết L sử dụng để đi trộm cắp tài sản. Do đó Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là đúng quy định.

[10]. Đối với anh Đỗ Đình Đ là người theo L khai đã bán vàng trộm cắp được cho anh Đ. Cơ quan điều tra đã tiến hành làm việc với anh Đ nhưng anh Đ không nhớ được có mua vàng của L hay không do đó không có cơ sở để giải quyết.

[11]. Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Bị cáo L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự tương ứng với giá trị tài sản phải bồi thường.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Văn L và Nguyễn Bá N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 56 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn L 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 06 (Sáu) tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2019/HSST, ngày 06/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 42 (Bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 26/4/2019.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Bá N 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 26/4/2019.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Trần Văn L phải bồi thường cho vợ chồng anh Nguyễn Thế H1 51.076.000đ (Năm mươi một triệu không trăm bảy sáu nghìn đồng), bồi thường cho chị Ngô Thị Thu H2 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng), bồi thường cho vợ chồng chị Dương Thị M tổng số tiền là 15.400.000đ (Mười lăm triệu bốn trăm nghìn đồng), bồi thường cho vợ chồng chị Lương Thị T1 tổng số tiền là 5.130.000đ (Năm triệu một trăm ba mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu để tiêu hủy 01 đôi găng tay bằng vải, màu trắng đã ố vàng; 01 kim cắt sắt dài 18cm, tay cầm màu đỏ; 01 xà cày bằng sắt soắn dài 77cm, phi 18,

01 sim điện thoại số 0965.699.xxx thu giữ của bị cáo L, 01 sim điện thoại số 0969.695.xxx thu giữ của bị cáo N.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Nokia 105, màu đen, số IMEI: 359971/05/346929/1 thu giữ của bị cáo L và 01 điện thoại di động Nokia 105, màu đen, số IMEI:036005080297368 thu giữ của bị cáo N.

- Trả lại cho chị Kim Thị Thu H6 01 xe mô tô nhãn hiệu XIONGSHI, kiểu dáng Wave, màu xanh, biển số 88H9-60xx;

- Xác nhận Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Dương Thị M 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu Dell, 01 dây sạc, 01 túi đựng máy tính màu đen.

(Các vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng đang quản lý).

5. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Trần Văn L phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 3.750.000đ (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Bá N phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo và chị Hằng có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- VKSND huyện Đoan Hùng;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Công an huyện Đoan Hùng;
- Trại tạm giam CA tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS huyện Đoan Hùng;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Vũ Thường